**BÀI 17. MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP**

**I. Công nghiệp khai thác than, dầu, khí**

**1. Công nghiệp khai thác than**

- Nước ta có trữ lượng than lớn với nhiều loại như than đá, than nâu, than bùn,...

+ Than đá phân bố ở Quảng Ninh, Thái Nguyên, Sơn La,...

+ Than nâu phân bố chủ yếu ở Đồng bằng sông Hồng, đặc biệt là ở Thái Bình, Hưng Yên, Nam Định.

+ Than bùn phân bố chủ yếu tại Đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt khu vực U Minh (Kiên Giang, Cà Mau).

- Công nghiệp khai thác than ở nước ta xuất hiện từ rất sớm.

- Sản lượng khai thác than trong nhiều thập kỉ trước đây có xu hướng tăng.

- Than được khai thác nhằm cung cấp nhiên liệu cho nhà máy nhiệt điện, luyện kim, một phần phục vụ xuất khẩu.

- Công nghệ khai thác than ngày càng tiên tiến: ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa trong khai thác than đã góp phần tăng năng suất lao động, tính an toàn, bảo vệ môi trường.

- Trong các loại than, than đá có sản lượng khai thác lớn nhất, giá trị kinh tế cao; than nâu và than bùn có sản lượng khai thác không nhiều.

**2. Công nghiệp khai thác dầu, khí**

- Nước ta có tiềm năng về dầu mỏ và khí tự nhiên, với trữ lượng ước tính khoảng vài tỉ tấn dầu và hàng trăm tỉ m3 khí.

+ Dầu mỏ, khí tự nhiên phân bố tại các bể trầm tích chứa dầu ở vùng thềm lục địa.

+ Hai bể trầm tích có trữ lượng, khả năng khai thác lớn là bể Cửu Long và bể Nam Côn Sơn.

- Dầu mỏ được khai thác với quy mô lớn từ những năm đầu thập kỉ 80 của thế kỉ XX.

- Sản lượng khai thác trong nước năm 2021 đạt 9,1 triệu tấn.

- Dầu thô khai thác phục vụ xuất khẩu và ngành hoá, lọc dầu với một số nhà máy lọc dầu lớn như Dung Quất (Quảng Ngãi), Nghi Sơn (Thanh Hóa),...

- Sản lượng khai thác khí tự nhiên dao động trong khoảng 6 - 10 tỉ m3 mỗi năm.

- Công nghiệp khai thác dầu, khí nước ta đang áp dụng công nghệ tiên tiến của thế giới trong thăm dò, khai thác và chế biển, nhằm tăng hiệu quả và sự an toàn trong khai thác đồng thời bảo vệ môi trường.

+ Công nghệ như khoan giếng thân nhỏ

+ Khai thác dầu trong đá móng

+ Làm lạnh sâu dòng khí nguyên liệu,...

- Một số mỏ dầu đã và đang được khai thác là Bạch Hổ, Rồng, Rạng Đông, Hồng Ngọc (thuộc bể Cửu Long), Đại Hùng (thuộc bể Nam Côn Sơn), Cái Nước (thuộc bể Thổ Chu - Mã Lai).

- Một số mỏ khí đang được khai thác là Lan Đỏ, Lan Tây,... (thuộc bể Nam Côn Sơn).

**II. Công nghiệp sản xuất điện**

- Nước ta có nhiều tiềm năng để phát triển công nghiệp sản xuất điện, gồm: tiềm năng về thủy điện trên các hệ thống sông Hồng, sông Sê San, sông Đồng Nai,.. tiềm năng về nhiệt điện từ than, dầu mỏ, khí tự nhiên; tiềm năng về năng lượng tái tạo từ gió, Mặt Trời,...

- Công nghiệp sản xuất điện nước ta phát triển mạnh từ giữa thế kỉ XX đến nay, sản lượng điện tăng nhanh, đạt 244,9 tỉ kWh (năm 2021).

- Cơ cấu sản lượng điện khá đa dạng và có sự thay đổi, gồm: nhiệt điện, thuỷ điện, năng lượng tái tạo,...

+ Thủy điện, nước ta có các nhà máy với công suất lớn như Sơn La (2400 MW), Hòa Bình (1920 MW), Lai Châu (1200 MW), Ialy (720 MW),...

+ Nhiệt điện, các nhà máy nhiệt điện:

Chạy bằng than với công suất lớn như Vũng Áng 1, Hải Phòng, Quảng Ninh,…

Chạy bằng khí (tua bin khí) với công suất lớn: Nhơn Trạch 2 (750 MW), Cà Mau 1 (771 MW), Ô Môn 1 (660 MW)

+ Năng lượng tái tạo:

Nhà máy điện gió có công suất lớn ở Đắk Lắk, Ninh Thuận,...

Nhà máy điện mặt trời có công suất lớn ở Phú Yên, Ninh Thuận, Trà Vinh,...

- Mạng lưới điện ở nước ta ngày càng hoàn thiện. Cả nước có hai hệ thống lưới điện chính:

+ Hệ thống lưới điện 500 kV với tuyến chính kéo dài từ Lai Châu đến Cần Thơ

+ Hệ thống lưới điện 220 kV kết nối hầu hết các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong cả nước.

**III. Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính**

- Nước ta có điều kiện thuận lợi:

+ Nguồn lao động trẻ, trình độ người lao động ngày càng nâng cao

+ Các yếu tố về khoa học - công nghệ, chính sách phát triển công nghiệp, hội nhập trong khu vực và trên thế giới,...

- Là ngành công nghiệp trẻ, phát triển mạnh từ những năm 2000 trở lại đây.

- Sản phẩm của ngành khá đa dạng

+ Linh kiện điện tử

+ Thiết bị truyền thông

+ Điện tử dân dụng

+ Thiết bị và dụng cụ quang học

+ Máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;...

- Các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ trong ngành đang được đẩy mạnh.

- Phân bố chủ yếu ở các đô thị lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ,...

- Hiện nay, một số địa phương đã thu hút các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài vào ngành này như Bắc Ninh, Thái Nguyên, Bình Dương, Đồng Nai,...

**IV. Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm**

- Điều kiện thuận lợi:

+ Nguồn nguyên liệu trong nước phong phú

+ Lực lượng lao động dồi dào

+ Thị trường tiêu thụ rộng lớn,...

- Hình thành và phát triển mạnh từ cuối thế kỉ XIX.

- Các sản phẩm của ngành khá đa dạng và không ngừng gia tăng sản lượng.

- Nhiều thành tựu khoa học - công nghệ được ứng dụng rộng rãi trong các máy sản xuất, chế biến thực phẩm như:

+ Tự động hóa dây chuyền sản xuất

+ Công nghệ vi sinh

+ Công nghệ bao bì và đóng gói,...

- Phân bố rộng khắp cả nước, thường tập trung gần nguồn nguyên liệu hoặc thị trường tiêu thụ lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Kiên Giang,…

**V. Công nghiệp sản xuất đồ uống**

- Điều kiện thuận lợi:

+ Có nguồn nông sản dồi dào

+ Nhiều điểm nước khoáng có chất lượng tốt

+ Nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm đồ uống ngày càng gia tăng,...

- Phát triển mạnh, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Cơ cấu sản phẩm của ngành đa dạng, như: nước tinh khiết, nước khoáng, bia,...

- Nhiều sản phẩm hiện nay do các tập đoàn lớn trên thế giới sản xuất.

- Các thành tựu khoa học - công nghệ đang được ứng dụng rộng rãi trong ngành, như:

+ Tự động hóa

+ Công nghệ sản xuất đồ uống lên men

+ Công nghệ vi sóng trong tiệt trùng thực phẩm,...

- Phân bố ở các đô thị, đặc biệt là các đô thị lớn. Một số cơ sở sản xuất phân bố gần nguồn nước khoáng.

**VI. Công nghiệp dệt, may**

- Có nhiều điều kiện phát triển

+ Nguồn lao động dồi dào

+ Thị trường tiêu thụ rộng lớn

+ Một số nguồn nhiên liệu, nguyên liệu trong nước phong phú,...

- Hình thành từ sớm, vào khoảng thế kỉ XIX với một số nhà máy dệt ở Nam Định, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh,...

- Hiện nay, các sản phẩm công nghiệp dệt, may đa dạng, nhiều sản phẩm không ngừng gia tăng về sản lượng.

- Quá trình tự động hóa dây chuyền sản xuất đang được triển khai rộng rãi trong các cơ sở sản xuất dệt, may.

- Thường phân bố ở các đô thị lớn và các tỉnh như Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Hưng Yên, Hải Dương, Cần Thơ,...

**VII. Công nghiệp giày dép**

- Là ngành đang phát triển khá nhanh ở nước ta nhờ những điều kiện thuận lợi về lao động, thị trường, nguồn nguyên liệu trong nước,...

- Nước ta có vị trí cao trên thế giới về sản lượng giày dép.

- Các sản phẩm của ngành đa dạng, như: giày dép da, giày vải, giày thể thao,...

- Bên cạnh phương thức sản xuất thủ công, các công ty lớn cũng đang từng bước đưa rô-bốt vào trong một số công đoạn sản xuất. Công nghệ in 3D cũng đang được ứng dụng vào sản xuất giày dép.

- Phân bố rộng khắp cả nước, đặc biệt ở các đô thị lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ,...

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

**Câu 1.** Phát biểu nào sau đây **không** đúngvề ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm của nước ta?

A. Là ngành công nghiệp mới xuất hiện.

B. Được phát triển từ lâu đời.

C. Chất lượng sản phẩm ngày càng được nâng cao.

D. Phân bố rộng khắp cả nước trên cơ sở nguồn nguyên liệu tại chỗ

**Câu 2.** Các cơ sở sản xuất đồ uống của nước ta phân bố tập trung ở

A. miền núi. B. đồng bằng. C. các đô thị lớn. D. nông thôn.

**Câu 3.** Phát biểu nào sau đây **không** đúngvề ngành công nghiệp dệt, may của nước ta?

A. Là một trong những ngành công nghiệp quan trọng của nước ta hiện nay.

B. Sản lượng các sản phẩm chính tăng liên tục.

C. Sản phẩm phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

D. Chưa áp dụng kĩ thuật và công nghệ hiện đại vào sản xuất.

**Câu 4.** Các cơ sở sản xuất giày, dép phân bố tập trung ở

A. Hà Nội và các tỉnh phía Bắc. B. Hà Nội và các tỉnh phía Nam.

C. Hà Nội và các tỉnh miền Trung. D. Hà Nội và các tỉnh Tây Nguyên.

**Câu** **5.** Vùng tập trung than nâu với quy mô lớn ở nước ta là

A. Quảng Ninh. B. Lạng Sơn. C. Đồng bằng sông Hồng. D. Cà Mau.

**Câu 6.** Than bùn nước ta phân bố ở vùng

A. Đồng bằng sông Hồng. B. Quảng Ninh.

C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Lạng Sơn.

**Câu** **7.** Hai bể trầm tích có trữ lượng, khả năng khai thác lớn là

A. bể Cửu Long và bể sông Hồng. B. bể Cửu Long và bể Nam Côn Sơn.

C. bể Cửu Long và bể Trường Sa. D. bể Thổ Chu - Mã Lai và bể Cửu Long.

**Câu 8.** Hiện nay ở nước ta, loại than có sản lượng khai thác lớn nhất, giá trị kinh tế cao là

A. than bùn. B. than đá. C. than nâu. D. than mỡ.

**Câu 9.** Cơ cấu sản lượng điện trong nước ở nước ta hiện nay **không** bao gồm nguồn điện nào sau đây?

A. Thuỷ điện. B. Nhiệt điện. C. Năng lượng tái tạo. D. Điện nguyên tử.

**Câu 10.** Các nhà máy thuỷ điện có công suất lớn nhất của nước ta tập trung chủ yếu ở vùng nào sau đây?

A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Bắc Trung Bộ và duyên miền Trung. D. Đông Nam Bộ.

**Câu 11.** Các nguồn năng lượng tái tạo nào đang được nước ta khai thác để sản xuất điện?

A. Than, dầu mỏ. B. Dầu mỏ, khí tự nhiên. C. Gió, khí tự nhiên. D. Mặt trời, gió.

**Câu 12.** Ý nào sau đây **không** đúngvề đặc điểm phát triển và phân bố của công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở nước ta?

A. Phân bố chủ yếu ở các đô thị lớn.

B. Sản phẩm của ngành khá đa dạng.

C. Là ngành công nghiệp trẻ, phát triển mạnh từ giữa thế kỷ XX trở lại đây.

D. Hoạt động ứng dụng khoa học – công nghệ trong ngành đang được đẩy mạnh.

**Câu 13.** Yếu tố đầu vào quyết định sự phân bố rộng khắp của công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm ở nước ta trong những năm qua là

A. cơ sở nguyên liệu tại chỗ dồi dào. B. nguồn lao động dồi dào, trình độ cao.

C. chính sách thu hút đầu tư nước ngoài. D. sự mở rộng thị trường xuất khẩu.

**Câu 14.** Sản phẩm nào dưới đây **không** phải của công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm?

A. Thủy sản ướp đông. B. Gạo xay xát.

C. Cà phê bột và cà phê hòa tan. D. Nước tinh khiết và nước khoáng.

**Câu 15.** Ý nào dưới đây đúng với đặc điểm của công nghiệp dệt, may ở nước ta hiện nay?

A. Sản phẩm của ngành chủ yếu để xuất khẩu.

B. Phân bố tập trung ở vùng Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.

C. Các sản phẩm đa dạng, nhiều sản phẩm không ngừng gia tăng về sản lượng.

D. Các cơ sở sản xuất chưa ứng dụng tự động hóa trong dây chuyền sản xuất.

**Câu 16.** Nhận định nào sau đây đúng với ngành công nghiệp sản xuất điện?

A. Sản lượng điện ổn định không có biến động nhiều.

B. Sản lượng điện tăng nhanh và liên tục trong giai đoạn 2010 - 2021.

C. Giảm ở giai đoạn 2010 - 2015, sau đó tăng liên tục.

D. Có sự biến động theo chiều hướng giảm dần.

**Câu 17.** Ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính hiện nay đang tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

A. Tây Nguyên. B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.

**Câu 18.** Ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm và sản xuất đồ uống thường phân bố ở các đô thị lớn vì

A. có nguyên liệu dồi dào. B. cơ sở hạ tầng tốt.

C. có thị trường tiêu thụ lớn. D. có nguồn lao động trình độ cao.

**Câu 19.** Ngành công nghiệp dệt, may và giày, dép ở nước ta được phân bố

A. ở vùng Đông Nam Bộ. B. ở vùng Tây Nguyên.

C. rộng rãi khắp cả nước. D. ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu trắc nghiệm đúng, sai. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu chọn đúng hoặc sai**

**Câu 20.** Ở nước ta, công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính xuất hiện muộn hơn các ngành công nghiệp khác. Đây là ngành có vị trí then chốt, đa dạng về sản phẩm, phát triển nhanh hiện nay, đặc biệt tại các địa phương có lợi thế về nguồn lao động, cơ sở hạ tầng, thu hút đầu tư nước ngoài.

A. Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính phát triển mạnh từ những năm 1990 của thế kỉ XX trở lại đây.

A. Đúng. B. Sai.

B. Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính có tác động mạnh mẽ đến sự phát triển các ngành công nghiệp khác.

A. Đúng. B. Sai.

C. Sản phẩm của ngành khá đa dạng, như: điện tử dân dụng, linh kiện điện tử, thiết bị truyền thông, thiết bị và dụng cụ quang học,...

A. Đúng. B. Sai.

D. Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính tập trung chủ yếu ở vùng Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ.

A. Đúng. B. Sai.

**Câu 21.** Dựa vào bảng số liệu sau:

Sản lượng điện phát ra ở nước ta, giai đoạn 2010-2022

*(Đơn vị: tỉ kWh)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2010 | 2015 | 2020 | 2022 |
| Sản lượng điện phát ra | 91,7 | 157,9 | 235,4 | 258,8 |

A. Trong giai đoạn 2010 – 2022, sản lượng điện phát ra tăng mạnh.

A. Đúng. B. Sai.

B. Trong giai đoạn 2010 – 2022, sản lượng điện phát ra có xu hướng giảm.

A. Đúng. B. Sai.

C. Sản lượng điện phát ra năm 2022 gấp 2,8 lần so với năm 2010.

A. Đúng. B. Sai.

D. Biểu đồ cột là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện sản lượng điện phát ra ở nước ta, giai đoạn 2010 – 2022.

A. Đúng. B. Sai.

**Câu 22.** Biết năm 2021 ở nước ta, tổng số dân là 98,5 triệu người, sản lượng điện là 244,9 tỷ kWh, tính sản lượng điện bình quân đầu người nước ta năm 2021 (đơn vị tính: kWh/người, làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).